THIÊN ĐẠO GIẢI THOÁT

***Hồng Phúc***

Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, giao cho tôn giáo Cao Đài làm xuất phát điểm hình thành cơ cứu thế Kỳ Ba với phương tu vừa xuất thế, vừa nhập thế trên tinh thần dung hòa vạn giáo qua tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên- Ngũ chi phục Nhứt”, không chỉ vạch ra một đường hướng giúp nhân loại chung tay xây dựng một nền văn minh đạo đức phù hợp với mọi cá tính nhân loại để kiến tạo một xã hội đại đồng, trong đó vẫn bảo tồn các bản sắc riêng của từng dân tộc nhưng không còn tồn tại những sự kỳ thị, mâu thuẫn, phân chia do bởi những dị biệt, phân tranh; và quan trọng hơn là dẫn dắt con người trở về đúng quỹ đạo vận hành cơ tiến hóa của Trời Đất, kịp với chu kỳ vũ trụ đang dần chuyển giáp mối tuần hoàn theo định luật “Vạn quy Nhất”, trong đó con người là những Tiểu Linh Quang đang ở vào giai đoạn trở về lại khởi điểm Đại Linh Quang, nhưng vì vô minh mê đắm hồng trần nên cứ lẩn quẩn loanh quanh trong vòng luân hồi sanh tử.

Đó là nội dung của mục đích “Thế đạo Đại đồng” và “Thiên đạo Giải thoát” mà Đức Thượng Đế giao cho con người thực hiện trong cơ phổ độ Kỳ Ba, nếu như con người muốn tồn tại, muốn trở lại cội nguồn, theo đúng sự vận hành của Thiên lý.

Để tiến được đến mục tiêu Thiên Đạo Giải thoát, người tín đồ Cao Đài, hơn ai hết, phải hiểu rõ “Thiên đạo Giải thoát” là gì? Thế nào là “Giải thoát”? Giải thoát cái gì? Giải thoát ra sao? Làm cách nào để giải thoát?

**1. “Thiên Đạo giải thoát” là gì?**

**- Thiên Đạo**

Thiên: Trời

Đạo: có rất nhiều nghĩa: Cái lẽ nhất định ai cũng phải noi theo; Phương pháp, phương hướng; Cách thức, đường lối; Tôn giáo, tín ngưỡng.

Có thể giải thích, Thiên đạo: đạo Trời, cũng là phương cách Trời dạy con người tiến hóa tâm linh, quay về phục Nhứt, mà theo giáo lý Cao Đài là hiệp một cùng khối Đại Linh Quang, thuộc về phần Nội giáo Tâm truyền, là đạo vô vi trong cơ cứu thế, đòi hỏi con người chí thành, chí thiện mới đạt đến, dựa trên ý nghĩa câu *“Thành giả, Thiên chi đạo dã”* trong sách Trung Dung, được Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch là *“Hoàn toàn là đạo của Trời”.*

**- Giải thoát**

Giải: Cởi, mở ra; Tiêu trừ, làm cho hết; Thoát khỏi.

Thoát: Thả ra, phóng thích.

Giải thoát là cởi bỏ, thoát ra tất cả những gì đang trói buộc, để con người được tự do, không còn bị câu thúc, khiến phần tâm linh con người không thể tiến hóa theo quy luật tiến hóa chung của Trời Đất. Hay nói một cách chính xác, đó là sự cởi bỏ nghiệp quả, thoát khỏi sự chi phối của Luật Nhân Quả, con người không còn bị buộc ràng trong vòng luân hồi chuyển kiếp.

- Thiên Đạo Giải thoát là tu theo đạo Trời, tức là đi theo con đường của Trời dẫn dắt để con người thoát vòng sanh tử trở lại bến khởi nguyên, linh hồn được tự do, tự tại nơi cõi vô sanh như lời dạy của Đức Như ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn:

*Nắm máy huyền linh hiệp chí linh,*

*Thoát vòng sanh tử ấy trường sinh;*

*Đại thừa chánh pháp hành Thiên Đạo,*

*Chín cõi mười phương vốn một tình.*

Hay nói một cách nôm na, Thiên đạo Giải thoát là con đường tu hành theo đạo Trời giúp con người tiến hóa lên những nấc thang cao hơn, tức làm Tiên, làm Phật như lời Đức Mẹ xác nhận:

*Giải thoát tự thân hành đúng phận,*

*Sẽ nên Tiên Phật, sẽ nên người.[[1]](#footnote-1)*

**2. Giải thoát cái gì?**

Khi nói đến “Thiên đạo Giải thoát”, người Cao Đài nghĩ ngay đến việc giải thoát linh hồn khỏi luân hồi sanh tử, tức là không muốn tiếp tục cuộc sống nơi thế giới hữu hình này trong kiếp nào nữa, bởi vì dù ở hoàn cảnh nào, người bước chân vào cửa đạo, cũng nhận chân ít nhiều tính chất vô thường mong manh và đầy dẫy khổ đau trong kiếp nhân sinh mà mình đã trải nghiệm trong cuộc sống hiện tại.

Con người ngay từ lúc nằm trong bụng mẹ, là đã bắt đầu đón nhận đau khổ, cho nên khi vừa chào đời đã cất tiếng khóc, báo hiệu kiếp sống buồn nhiều hơn vui, khổ nhiều hơn sung sướng, cho nên trần gian được xem là biển khổ. Con người từ bậc quyền quý cao sang đến người cùng đinh mạt hạng trong xã hội đều phải chịu khổ.

Bốn cái khổ đầu tiên không ai tránh khỏi là Sinh, Lão, Bệnh, Tử: Kiếp sống con người suy cho cùng, là một chuỗi khổ, ngay khi còn là bào thai cho đến khi khôn lớn trưởng thành, rồi từ giã cõi đời; phải đón nhận biết bao nhiêu là điều cực khổ, đớn đau; không chỉ tự thân mà còn khổ liên lụy đến cha mẹ, người thân… Đó là đối với người bình thường, chưa nói đến những trường hợp bất thường, khi ra đời với thân hình dị dạng, bệnh tật cả đời,…

Một đời người ngắn ngủi phải vất vả lo toan cuộc mưu sinh. Chưa kịp nghỉ ngơi thì tuổi già đã đến, mắt mờ, tai điếc, thân thể già nua, xấu xí, xác thân hư hoại. Trong khi đó, cả cuộc đời, con người lúc nào cũng phải đối phó với bệnh tật. Giàu có bao nhiêu cũng phải cúi đầu một khi bệnh tật xuất hiện, phải chịu đau đớn, khổ sở cả về thể xác và tinh thần. Cuối cùng, cái chết không từ một ai, và sẵn sàng đến với con người bất cứ lúc nào, không kể tuổi tác…

Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn đã từng nhắc nhở:

*Cõi đời lắm nẻo lắm chông gai,*

*Tứ khổ ràng thân ai hỡi ai!*

*Sanh phải vượt qua bao trọng trược,*

*Bịnh càng giam hãm tợ tù đày.*

*Lão lai tài tận khôn dò bước,*

*Tử hậu vô tri khó giãi bày.*

*Nếu chẳng biết tìm cơ giải thoát,*

*Vô thường đến cửa hẹn sao đây?[[2]](#footnote-2)*

Không chỉ khổ vì **sanh, lão, bệnh, tử**, con người còn phải đeo đẳng cái khổ về mặt tinh thần do bởi những cuộc sinh ly tử biệt với người thân yêu trong cuộc đời, nhà Phật gọi là “**Ái biệt ly khổ”.** Bên cạnh đó, con người luôn phải chịu khổ vì không đạt được những khao khát, ham muốn vô hạn của bản thân: nghèo đói muốn có cái ăn không được, khi no ấm thì muốn giàu sang, phú quý nói theo Phật giáo là **“cầu bất đắc khổ”;** và điều đau khổ không ai tránh khỏi là phải chịu đựng hay tiếp xúc những thứ mà lòng mình không thích hay chán ghét gọi là **“Oán tắng hội khổ”.**

Cái khổ lớn nhất là lực đẩy con người vào lục đạo luân hồi mà nhà Phật gọi là Ngũ uẩn khổ. Ngũ uẩn là năm yếu tố liên kết tạo thành con người gồm có **sắc** uẩn, **thọ** uẩn, **tưởng** uẩn, **hành** uẩn và **thức** uẩn, trong đó, thân thể (yếu tố vật lý) gọi là **sắc** và các yếu tố về tinh thần, tâm lý gọi chung là **danh** như **thọ** (cảm giác thọ nhận), **tưởng** (tri giác, ấn tượng), **hành** (hành xử tạo nghiệp) và **thức** (ý thức, sự nhận biết).

Chính 5 yếu tố **sắc, thọ, tưởng, hành, thức** là bức màn ngăn che trí tuệ sẵn có trong con người như những đám mây che lấp ánh sáng mặt trời. Con người do những dục vọng luôn nảy sinh làm cho mê mờ, không nhận thấy được cái ta chân thật tức Phật tính tiềm ẩn trong mỗi con người. Con người thường hay bám vào “cái ta”, “cái của ta”, đuổi theo dục vọng nên bị trói chặt trong cuộc sống tội lỗi, khổ đau.

Theo Phật giáo, 8 cái khổ đè nặng kiếp người, cũng là tác nhân đưa đẩy con người vào vòng vô minh đọa lạc, quên mất bản chất Phật tính nguyên sơ, để rồi cứ sa đà vào vòng nghiệp quả luân hồi chuyển kiếp. Như vậy, con người khổ là do chính con người tạo ra chớ không phải Thượng Đế tạo ra để trừng phạt con người, hay đày đọa con người vào chỗ khổ, mà ngược lại, do chính con người đã sống nghịch với Thiên lý, xa rời đạo lý, đánh mất Thiên tính Trời ban. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn khẳng định:

*“…Chỉ tại người quên hẳn tánh thuần phác thiện lương mà Thượng Đế đã phát ban trong buổi sơ sinh. Chư hiền đệ, hiền muội! Cuộc đời là cả một cái cầu vồng bắc từ bến thưởng sang bến phạt. Đời con người* *trải qua ba giai đoạn đời. Ai ai đều cũng phải trải qua cái cầu ấy. Như hồi buổi sơ sinh, một hài nhi vừa chào đời, Thượng Đế đã phát ban cho hài nhi ấy mang đến thế gian bao nhiêu thuần lương hạnh phúc, thọ bẩm bởi khí tiên thiên hòa hợp cùng hậu thiên phụ mẫu nước non. Đến tuổi trưởng thành, như hiện trạng của các hiền đệ, hiền muội, sinh lực dồi dào, thân thể cường tráng, bầu nhiệt huyết đầy tràn nhựa sống, tha hồ mà tung bay bốn phương trời góc biển, dọc ngang với sự bại thành. Nhưng vì định luật của Tạo hóa, không cho phép con người đứng một chỗ, khi lên tới giữa đoạn cầu là chỗ cao nhứt, đó là lúc tuổi phỉ chí bình sanh. Rồi từ đó sẽ xuống lần phía bên kia dốc cầu. Khi xuống tận dốc cầu, chợt ngoái nhìn trở lại đầu cầu phía bên kia thì một hài nhi, một lão thành cũng như nhau, chỉ khác nhau là bởi ở chỗ kẻ mang hạnh phúc đi cuối dốc cầu để ban* *rải hạnh phúc cho mọi người và tự hưởng hạnh phúc suốt một cuộc đời mình. Còn một kẻ khác, trái lại, khi đi mang theo hạnh phúc để qua bên kia đổi lấy sự luân hồi đau khổ đời đời kiếp kiếp, chẳng những cho riêng mình, mà cho tất cả mọi người chung quanh đồng liên lụy.”[[3]](#footnote-3)*

Như vậy, “giải thoát” là làm thế nào để thoát ra khỏi mọi sự đau khổ hằng chế ngự con người mà con người cứ lầm lũi chấp nhận từ kiếp này sang kiếp khác trong vô minh, lầm lỗi. Giải thoát là dứt hết những mầm tạo nghiệp hoặc thiện hoặc ác, dẫn đi trong sanh tử. Cách đây hơn 2500 năm, Đức Phật Thích Ca đã tiên phong thực hiện thành công sự giải thoát. Với cái nhìn minh triết, Ngài đã phân tích cho thấy những nguyên nhân gây đau khổ cho con người (Tập đế).

- Trước hết là Tham –Sân –Si, tức là tham lam, nóng giận, si mê. Đó là tam độc làm cho con người mất hết lý trí, có thể gây nhiều tội lỗi.

- Mạn: Lòng tự cao, không chịu nghe lời nói phải, không chịu phục thiện, học hỏi.

- Nghi: Tự nghi: nghi khả năng chính mình; Nghi pháp: không tin pháp tu mang lại kết quả; Nghi nhơn: không tin người dạy mình, hiểu biết hơn mình.

- Thân kiến: chỉ lo phần vật chất.

- Biên kiến: có thành kiến cực đoan.

- Kiến thủ: bảo thủ, luôn cho mình đúng.

- Giới cấm thủ: sự cuồng tín.

- Tà kiến: mê tín dị đoan.

Đây là 10 nguyên nhân gây đau khổ cho con người do con người tự tạo, rồi chuyển thành nghiệp lực và mang theo từ kiếp này sang kiếp khác. Cho nên, giải thoát là cởi bỏ, thoát ra ngoài những cái khổ hiện diện, đeo đẳng con người từ cổ chí kim.

**3. Giải thoát ra sao?**

Phật giáo được Đức Thích Ca khai mở, chỉ ra con đường diệt khổ hết sức chi li với 7 phương pháp tu hành gọi Đạo đế, từ bước đầu là “Tứ niệm xứ” là 4 điều mà người tu phải để tâm nhớ nghĩ, đến “Tứ chánh cần” là sự tinh tấn trong các hành động thiện và ác; rồi 4 phép Thiền định “Tứ như ý túc”, tiếp theo là “Tứ chánh cần”, rồi “Ngũ căn”, “Ngũ lực”; đến 7 phép tu tập gọi là “Thất Bồ đề phần” hướng đến đạo quả vô thượng Bồ đề, cuối cùng là “Bát Chánh đạo”.

Trải qua thời gian, giáo lý của Phật, con đường cứu khổ, diệt khổ của Phật vẫn còn đó, nhưng người giác ngộ chứng quả chánh đẳng chánh giác chẳng được bao nhiêu, trong khi nỗi khổ, niềm đau của nhân loại ngày càng chồng chất…. Đến nay, thời gian vũ trụ đã sắp cạn kiệt, Đức Thượng Đế không thể ngồi yên nơi kinh Bạch Ngọc chờ con cái Ngài theo đường giải thoát của Phật trở lại quê xưa, nên Ngài phải đích thân giáng trần giữa hồi mạt pháp, để mong giải thoát đàn con khỏi chốn ngục tù đau khổ.

Tuy nhiên, dù quyền năng cao tột và đức háo sanh vô biên, Đức Đại Từ Phụ cũng không thể nào vượt qua được bức tường kiên cố của luật Thiên điều để cứu thoát con cái Ngài ra khỏi ngục tù nghiệp báo, mà chỉ có thể chỉ ra phương cách để con người tự thân giải thoát cho mình. Song le, bởi con người đã lặn hụp quá lâu trong biển luân hồi, gánh nặng nghiệp quả đã làm dày thêm bức màn vô minh che chắn ánh sáng linh quang của Trời ban phát; con đường trở lại quê xưa của con người trở nên vô cùng gian nan gập ghềnh, bởi vì để giải thoát hoàn toàn cho linh hồn rời bỏ cõi nhị nguyên, tức không còn vướng víu trong vòng luân hồi chuyển kiếp, con người phải tập giải thoát ngay trong cuộc sống thế gian tức giải thoát từng phần để gom góp, huân tập cho đến ngày chung cuộc, giũ bỏ xác thân tứ đại, linh hồn mới được giải thoát hoàn toàn như lời Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*“Sự giải thoát không phải đợi đến lúc rũ bỏ nhục thể, linh hồn mới được giải thoát. Ngay lúc sinh thời, ai ai cũng có thể thực hành phương pháp giải thoát. Câu “cư trần bất nhiễm” đã hàm ý cho định nghĩa ấy rồi. Nếu đợi ngày rủ bỏ nhục thể, lấy gì chứng minh rằng được giải thoát cùng không? nếu như thế thì Thiêng Liêng không khuyên bảo người đời đem Đạo giáo đạo để cho tất cả mọi người trọn tốt trọn lành để an hưởng cõi thiên đàng cực lạc tại thế gian. Ngay buổi sinh thời, nếu không cải tạo được tư tưởng theo các Đấng Trọn Lành thì dù có bỏ nhục thể trăm ngàn lần, tục lụy vẫn hoàn tục lụy, luân hồi chuyển kiếp vẫn chuyển kiếp luân hồi theo nhịp độ của nghiệp duyên.”[[4]](#footnote-4)*

Như vậy, với cứu cánh Thiên đạo Giải thoát, Đức Thượng Đế dùng Tân pháp Cao Đài, đặc biệt với pháp môn công phu tu tánh luyện mạng, giúp con người thực hành vừa giải thoát luân hồi, vừa thăng tiến tâm linh lên cõi thiêng liêng cao thượng siêu xuất thế gian sau khi linh hồn cởi bỏ nhục thể phàm phu như lời dạy của Ơn Trên:

*“Nếu tu tánh để tạo nguyên thần, thì tu mạng để có nguyên khí. Thần khí đầy đủ là âm dương hiệp nhất, có khả năng kết hợp cùng Trời Đất. Thời mạt kiếp, cơ tận độ sắp bày, người tu hành nhơn đó mà lập công bồi đức để đoạn nghiệp tiền khiên và song song với sứ mạng cứu độ, phải công phu tu tánh luyện mạng để giải thoát luân hồi, tạo cho mình được khả dĩ xứng đáng vào hàng Thần, Thánh, Tiên Phật*.”

Mặt khác, pháp môn công phu thiền định được tu tập đúng mức còn có công năng giúp hành giả đạt được trạng thái tự do, an lạc, thanh thản trong lúc còn sanh tiền, tạo điều kiện để người tu thực hiện sứ mạng cứu độ, phụng sự nhân sinh, lập công bồi đức giải trừ nghiệp quả tiền khiên.

Đức Chí Tôn có dạy: “*Khi mà các con xứng đáng một trong thế tam tài, thì các con với sự Đắc Nhứt sẽ dùng quyền lực tạo được bởi tinh thần, để phổ độ, để phụng sự nhân sinh, cũng như Trời Đất đang vận hành trong lẽ thuần nhứt đó vậy.”[[5]](#footnote-5)*

Công phu trong đạo Cao Đài tương ứng với Thiền định và Trí huệ Ba La Mật trong đạo Phật, là phương pháp phản tỉnh nội cầu hay hồi quang phản chiếu tức hành giả nhìn vào bên trong, soi sáng vào chỗ thâm sâu của nội thể nhằm đạt đến tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh thì thất tình lục dục không thể dấy động được. Đức Bảo Pháp Chơn Quân dạy:

*“Muốn thanh tịnh phải phản tỉnh nội cầu để loại trừ hết những chướng ma sân si phiền não thì hồi quang phản chiếu mới suốt thấu được chỗ huyền nhiệm của Như Lai.”*[[6]](#footnote-6)

**4. Làm thế nào để giải thoát?**

***+ Phải giữ Tâm thanh tịnh***

Bản chất công phu là sự thanh tịnh và bí quyết của công phu là yên lặng. Đức Chí Tôn dạy: *“Con ôi! Sự yên lặng để thần giao cách cảm, để các con tìm thấy con trong Thầy và Thầy hằng ngự trị với đức hiếu sinh trong vạn vật. Yên lặng tức là quán triệt tất cả những cái gì mà trần gian không nói được, không sờ mó được, không nghe thấy được.”[[7]](#footnote-7)*

Công phu giúp tâm linh mẫn tuệ để sáng suốt giải quyết mọi vấn đề. Ngoài ra, công phu còn giúp con người chuyển hóa nội tâm. Tu luyện đạo pháp giúp cho thần khí được điều hòa, thân tâm được an định. Khi tâm an định thì không có điều gì làm cho tâm phải xao động. Thất tình lục dục và tham sân si không thể tác động khi tâm con người đạt đến chỗ thanh tịnh, vô dục, vô niệm. Hay nói cách khác, đạt được tâm thanh tịnh, con người sẽ đoạn diệt được tham sân si, tức giải được phiền não, xóa lần nghiệp chướng, tìm thấy ánh sáng trí huệ để đạt Đạo. Đức Đông Phương Lão Tổ khẳng định *“Tâm thanh tịnh là lương dược trị bệnh.*”[[8]](#footnote-8)

Tuy nhiên, Thế nào là tâm thanh tịnh? Và để đạt được trạng thái “Tâm thanh tịnh” hành giả phải có những điều kiện gì? Vì không thể nói chung chung rằng hễ có công phu là có tâm thanh tịnh; hay ngược lại, phải có tâm thanh tịnh thì công phu mới đạt hiệu quả, hoặc chính xác hơn, chính nhờ tâm thanh tịnh sẽ đưa hành giả đến chỗ chứng đắc tức đạt Đạo.

**Thế nào là tâm thanh tịnh?**

- Thanh: trong sạch (thanh khiết); mát mẻ; liêm khiết (thanh liêm) yên lặng (thanh vắng) rõ ràng minh bạch; đẹp đẽ, cao quý.

- Tịnh: sạch sẽ; yên ổn, yên lặng, yên tĩnh; tập trung chuyên nhất.

Khi nói Tâm thanh tịnh, không chỉ có nghĩa là tâm rỗng rang, vô niệm trong giờ công phu mà phải hiểu một cách toàn diện trong ý nghĩa là tâm trong sạch, với những ý nghĩa bao gồm:

- Là Tâm ở trạng thái yên lặng, ngay thẳng, trung chánh, không bị vướng bận ô nhiễm bởi 4 tính hung dữ ác độc, tham lam ích kỷ, sân hận và hiểu sai đạo lý. Ví dụ tâm độc ác là tâm dám làm người khác đau khổ; tâm tham lam, ích kỷ là tâm nhiều ham muốn và lo nghĩ nhiều về cho mình; tâm sân hận là tâm giận hờn, tự ái, nổi nóng; tâm hiểu sai đạo lý là sống hời hợt, không có chánh niệm.

- Là Tâm không ưa thích hưởng thụ, dục lạc; không mơ tưởng ăn ngon, ăn nhiều mà ăn đủ chất để đảm bảo sức khỏe; không màng những thú vui của cuộc đời.

- Là Tâm thường khởi lên những ý niệm lành và thiện. Đó là ý niệm trắc ẩn, thương người; kính trọng những người đáng kính; ý niệm bao dung với những người kém hơn mình về tài sản, tài năng, đạo đức, phước lành,… luôn đầy ắp niềm tin vào các Đấng Thiêng Liêng, v.v…

- Là Tâm không bị xao động, lo lắng, thắc mắc, nghĩ suy trong mỗi hành động, việc làm của mình trong cuộc sống thường nhật, vì mình biết không sai đạo lý.

- Là Tâm luôn hướng về việc tu tập thiền định, tức đạt được chánh niệm, hoặc cao hơn là chánh định, lúc nào cũng an trú được trong pháp môn mình tu, kín đáo, khiêm tốn, không kiêu mạn, khoe khoang.

Người có tâm thanh tịnh hay tâm trong sạch sẽ thể hiện bằng một đời sống hiền hòa mẫu mực, tư cách nghiêm trang, lời nói mực thước, được người nể phục, cảm mến, nghe theo, trở thành tấm gương cho người xung quanh học tập. Nhờ đó, chính cuộc sống của họ đem lại rất nhiều lợi ích cho tha nhân, dù họ không nói một lời nào. Công đức của họ cũng từ đó xuất hiện một cách âm thầm, ngày càng lớn, và kết quả họ trở thành tấm gương chứng đắc tại tiền được mọi người công nhận. Trái lại, thiếu tâm thanh tịnh thì dù cố công trì chí bao nhiêu trong việc tu hành cũng không đạt được sự giải thoát, bởi vì vẫn còn bị chế ngự, điều khiển bởi thất tình, lục dục, tham sân si.

Người có được tâm thanh tịnh sẽ có một đời sống nhẹ nhàng, thanh thoát, vì tâm không bận bịu một ý nghĩ đen tối nào; thân khoan khoái, dễ chịu, đi đến đâu như mang theo một vừng ánh sáng, một làn khí trong, như tỏa ra một mùi hương mát dịu. Người đạt được tâm thanh tịnh chẳng khác gì một đóa hoa sen, “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Với cánh trắng, nhụy vàng, hương dịu, nó được người đời quý chuộng mến yêu, đặt lên bàn thờ tôn kính như thế nào, thì người thanh tịnh cũng được như thế ấy.

Để đạt được tâm thanh tịnh hay tâm trong sạch theo những ý nghĩa trên đây thì rõ ràng hành giả phải có một quá trình tu tâm sửa tánh tức luyện kỷ rất gian nan, đó là kết quả của một chuỗi Công trình theo Tân pháp Cao Đài làm nền tảng cho việc công phu theo đúng như tiêu ngữ của Đạo gia: “Luyện kỷ tối nan, hoàn đan thậm dị”.

Luyện kỷ là điều kiện cần cho việc công phu luyện đạo hay luyện đơn, để trong thời khắc hành trì đạo pháp, hành giả nhờ tâm thanh tịnh, tâm vắng lặng, tâm trong sạch, tâm cao thượng tiếp cận được với các Đấng Trọn Lành, hưởng được ân điển thiêng liêng, tiềm lực trí huệ được tăng trưởng, sáng suốt trên đường sứ mạng.

Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn dặn dò: “*Tâm phải bình như mặt nước hồ thu không tí gợn. Tâm phải vững như cột trụ kình thiên, tám gió không lay, mười hung chẳng phạm. Tâm có minh thì thần mới linh. Luyện tâm tức là luyện thần. Luyện được thần thì tâm không còn là tâm mà là thần. Thần là chủ tể vạn sự vạn vật. Thần ứng hóa cả việc thế cơ Trời. Thần năng nhập thạch, thần năng phi hành, nhập thủy bất nịch, nhập hỏa bất phần. Chư đệ muội có nhớ những câu tâm ấn này chăng?*

*Thần linh diệu thì ngồi một chỗ mà suốt thông mọi hướng, lặng lẽ không lời mà cơ cấu vẫn điều hành. Sự việc đó không phải nói mà không làm được, vì đó là việc của con người. Con người muốn làm sẽ làm được. Chỉ có thần lực của con người mới khơi dòng đạo mạch bị lấp vùi tắc nghẽn trong tâm hồn nhân thế.”[[9]](#footnote-9)*

Công trình Luyện kỷ chính là phương pháp giúp cho người tu thực hiện sự giải thoát từng phần theo như lời nhắc nhở của Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn:

*“Khi đã quyết tâm giải thoát, dầu ở trong hoàn cảnh nào, ở thời kỳ nào, cũng có thể giải thoát được. Quyết tâm giải thoát là không để ngoại cảnh chi phối được tâm, không để tâm bị ràng buộc vào tứ tướng lục trần, bởi tứ tướng còn nhân ngã, chúng sanh, thọ giả, lục trần là bụi cát bám lấy lục căn dấy động không giờ tịnh khiết. Lão dạy như thế không phải bảo chư hiền đệ muội phải rũ bỏ tất cả thế sự, cắt ái ly gia, đem thân vào khổ hạnh. Lão chỉ dạy chư hiền đệ hiền muội hãy sống theo Thiên đạo mới hành được chánh pháp Đại thừa.”[[10]](#footnote-10)*

**Làm sao có được tâm thanh tịnh?**

Để có được tâm thanh tịnh, người tu phải chuẩn bị cho mình một sự thanh tịnh toàn diện cho cả thân, khẩu, ý và hành động:

**- Thân thanh tịnh:** Thân thể phải luôn luôn tắm rửa sạch sẽ, áo quần phải luôn luôn thay giặt, không rách rưới, nhưng cũng không xa hoa, lòe loẹt, kiểu cách. Thức ăn uống phải giản dị, không rượu chè, không cao lương mỹ vị. Chỗ nghỉ ngơi phải hợp vệ sinh.

- **Khẩu thanh tịnh:** Lời nói luôn luôn chân thật, trong sạch, ôn tồn, đúng đắn, lợi ích cho mọi người, mọi vật ở chung quanh; không thêm không bớt, không ngọt như mật, không cay như tiêu, chua như dấm; không suồng sã; không sừng sộ, thô lỗ; không hỗn hào; không ác độc; không nhọn hai đầu như đòn xóc; không sắc bén như gươm đao; không nặng nề như búa tạ.

**- Ý thanh tịnh:** Ý là phần quan trọng, chi phối tất cả những lời nói, cử chỉ, hành động, đời sống của con người. Ý trong sạch là ý không vẩn đục bởi những tánh tham lam, giận dữ, kiêu căng, si mê, nghi ngờ. Ý trong sạch, thì đời sống trong sạch, ý nhiễm ô thì đời sống bị xấu xa, hoen ố.

**- Hành động thanh tịnh:** Việc làm không vì danh lợi riêng cho mình, không vì dục vọng, thù oán, không vì khoe khoang. Người có hành động thanh tịnh không mưu mô lừa đảo, không ỷ mạnh hiếp yếu, không ỷ giàu hiếp nghèo, không ỷ thế hiếp cô. Người có hành động thanh tịnh không xu nịnh ai, không bợ đỡ ai, không sợ hãi ai để phải làm theo ý muốn bất chính của họ. Người có hành động thanh tịnh bao giờ cũng thẳng thắn, đường đường, chính chính, không bao giờ có một hậu ý đen tối nào trong lúc làm việc.

Thực hiện được sự thanh tịnh toàn diện thân, khẩu, ý và hành động là người tu kết thúc quá trình tạo nghiệp cùng với việc bắt đầu giải nghiệp tiền khiên. Muốn được thành công thì người tu phải diệt trừ tận gốc tam độc: Tham- sân- si.

**+ *Phải đoạn trừ Tam độc:***

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy rằng tam độc “tham, sân, si” là những nguyên nhân gây ra bất hạnh và phiền não, ưu tư cho con người.

**• “Tham”** là tham lam, là sự ham muốn thái quá, là sự đắm say, thích thú muốn có nhiều những thứ mình ưa thích như tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, v.v… Lòng ham muốn đó chẳng hề biết chán, càng được thì càng ham muốn nhiều.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: *“…người thế gian sanh vào thời trọng trược, vật chất nặng mang, sự nhìn và xét đoán rất thiển cận và ích kỷ, nên* *lơ đễnh một chút thì đã bị chữ muốn sai khiến. Một lần sai được, nhiều lần sai được, rồi lần hồi biến con người trở thành nô lệ cho sự muốn. Do đó nên trong đạo giáo và các kinh điển đạo học, có nhiều chỗ ngăn cấm và dạy người đời phải diệt lòng ham muốn. (…)*

*Vì không làm chủ giới hạn được lòng ham muốn mà cha giết con, con bất hiếu, trò vong ơn thầy, bè bạn bội tín, vợ chồng vong nghĩa. Vì không làm chủ được lòng ham muốn đã khiến từ bậc ly gia cắt ái, trường trai khổ hạnh, gương mẫu đạo đức, đã trở thành người quên đạo, quên đức, đến rượu thịt say sưa, té ngã cùng đường, trà đình tửu quán, tù tội gian lao. Cũng do nơi không làm chủ được lòng ham muốn nên:*

*Miệng thì niệm tiếng nam mô,*

*Mà lòng lại tưởng cơ đồ tóm thâu.[[11]](#footnote-11)*

Ở đời, có năm món dục lạc, mà người ta thường ham muốn nhất là: Tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. “Ngũ trần dục lạc” ấy, thật ra, vui ít mà khổ nhiều. Tham tiền thì phải đày đọa thân, đôi khi còn dùng những phương tiện bất chính để chiếm đoạt và khi mất thì lại đau khổ. Tham sắc thì nhiều khi lại lao vào những mưu chước tồi tệ để thỏa lòng dục vọng. Tham danh vọng, quyền tước thì phải vào lòn ra cúi, lao tâm khổ trí. Tham ăn uống cao lương mỹ vị thì bị nhiều bệnh khó trị, thân thể mệt nhọc vì chứa nhiều độc tố, mạng sống không thọ. Tham ngủ nghỉ thì trí não hóa đần độn, hôn trầm. Vì thế, Ngũ trần dục lạc đó chính là những nguyên nhân ràng buộc kiếp người vào vòng sinh tử, luân hồi, sa đọa.

Trong quyển “Trở về từ cõi sáng” do Nguyên Phong dịch từ tác phẩm “Embraced By The Light” của Betty Eadie, một “Best Seller” với số bản kỷ lục và dẫn đầu những cuốn sách bán chạy nhất Hoa Kỳ ngay khi xuất bản vào năm 1992, có ghi lại lời kể của những người chết đi sống lại về hoàn cảnh của các linh hồn con người sau khi chết và cho biết rằng không chỉ lúc sống, mà sau khi chết, linh hồn con người vẫn tiếp tục đau khổ vì không được thỏa mãn những ham muốn.

Tác giả quyển sách có trích đăng bài viết của Giám mục Charles Leadbeater, một nhà thần học nổi tiếng của thế kỷ 20 về những điều ham muốn mà con người không thỏa mãn với lời cảnh giác: “Điều chính yếu là nên giảm bớt các ham muốn vật chất để tránh khỏi lâm vào tình trạng như đói không được ăn, khát không được uống, thèm muốn không được thỏa mãn, toàn thân nóng rực như than hồng vì ham muốn hành hạ…. Sự đau khổ luôn luôn gia tăng theo đà ham muốn, càng ham muốn nhiều thì khổ đau càng lớn. Hiển nhiên tình trạng này không kéo dài mà sẽ chấm dứt ngay khi sự ham muốn không còn nữa.

Thời gian ở cõi trần bị giới hạn bởi các điều kiện vật chất vì thể xác được cấu tạo bởi các nguyên tử trọng trược, không thể kéo dài quá lâu. Trong khi thời gian ở cõi bên kia hoàn toàn tùy thuộc vào sự rung động của các nguyên tử cấu tạo nên tinh thần. Nếu lòng ham muốn còn mãnh liệt, sự rung động còn thô thiển nặng trọc, thì thể tinh thần không thể siêu thoát lên cõi trên mà lưu lại nơi đây rất lâu. Khi mọi ham muốn thấp hèn, ích kỷ đã hoàn toàn tan rã thì con người sẽ siêu thoát lên các cảnh giới cao hơn. Khi tư tưởng trở nên thanh khiết, nhẹ nhàng, họ sẽ ý thức được những luồng tư tưởng thanh cao tế nhị hơn. Lúc đó họ sẽ mê man trước các luồng sóng rung động trí thức, các bầu tư tưởng sạch tốt lành. Đây là giai đoạn mà con người thấy rộn ràng một niềm phúc lạc vô biên, không bút nào có thể tả được. Đó là khi họ bắt đầu ý thức được các diễn biến thực sự của vũ trụ, của các định luật bất biến, của ánh sáng chân lý. Đây không phải phần thưởng của ai hết mà chỉ là kết quả tự nhiên của tánh linh đã tiến hóa đến giai đoạn nầy.”

Như vậy, muốn giải thoát, lúc còn sống, con người cần diệt trừ tâm tham bằng cách “tu tâm”, phải tập tính “thiểu dục tri túc”, là muốn ít, biết đủ, để có một đời sống giản dị, thanh cao và an toàn.

- Muốn bỏ tham tiền tài, phải thực hành hạnh bố thí cúng dường. Muốn bỏ tham sắc, học hạnh thanh tịnh chánh hạnh. Muốn bỏ tham danh, phải tự xét khả năng, chu toàn phận mình. Muốn bỏ tham vật thực, phải biết ăn chỉ là để sống, coi thức ăn như thuốc để chữa bệnh. Phải ít muốn biết đủ. Muốn bỏ tham ngủ, ta phải học hạnh tỉnh thức.

**• “Sân”** là cơn giận, lòng giận dữ, nóng nảy, thù hận khi không vừa lòng, không được thỏa thích như ý muốn hay bất bình vì bị xúc phạm, làm những chuyện sai trái để trả đũa. Sau cơn giận thì giữ lại lòng oán ghét tìm dịp mà trả thù. Sở dĩ sân sinh khởi là do lòng tự ái, yêu thích “cái ta” hay “cái của ta”, không hài lòng, bực bội khi bị người làm tổn hại đến nó.

Nhưng vì bị chê bai mà nổi sân thì tai hại vô cùng vì lúc nóng giận con người không còn đủ bình tĩnh để tự kiểm soát hành vi và ngôn ngữ của mình. Kinh Hoa Nghiêm có nói: *“Một niệm lòng sân hận nổi lên, thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở ra.”* Và: *“Một đốm lửa sân, có thể đốt hết muôn mẫu rừng công đức.”* Đức Phật khuyên: *“Hãy từ bỏ nóng giận thì phiền não sẽ không đến với các ngươi.”*

Chúng sinh bị qua nhiều kiếp sinh tử luân hồi chính vì không thắng nổi lòng sân. Chư Phật được tự tại, giải thoát, là do dứt trừ được lòng sân tận gốc. Điều khó nhất là diệt trừ phẫn nộ ngay từ trong tâm. Khi tâm chúng ta không còn nghĩ đến giận hờn thì tự nhiên cơn phẫn nộ sẽ không bộc phát. Theo Kinh “Thập Thiện Nghiệp Đạo”, người nào không nổi sân, thì tâm không khổ não, tâm không tranh giành, tâm nhu hòa ngay thẳng, tâm từ bi như Phật, thường làm lợi ích yên ổn cho các chúng sinh, thân tướng trang nghiêm được chúng sinh tôn kính và vì có đức nhẫn nhục nên sẽ được mau sinh lên cõi Phạm Thiên.

- Muốn bỏ sân, ta phải thực hành hạnh nhẫn nhục, biết tha thứ.

**• “Si”** là si mê, vô minh, ngu tối. Người vô minh không sáng suốt, không suy xét hiểu biết đúng lẽ phải, đúng sự thật để phán đoán việc hay dở, tốt xấu, lợi hại, v.v… nên mới làm những điều nhiễm ô tội lỗi, có hại cho mình và người. Vô minh che lấp tâm trí, làm cho con người không còn nhìn thấy được những chất bợn nhơ đang gặm nhấm từ bên trong con người khiến các thói hư tật xấu ấy sẽ tăng dần và cuối cùng đưa con người vào đường tội lỗi triền miên. Đức Phật dạy rằng vô minh là điều ô trược tệ hại nhất. Hãy dứt bỏ vô minh để trở thành người trong sạch.

- Muốn bỏ Si, phải thực hành hạnh tinh tấn.

Tham-Sân- Si là trở ngại rất lớn trên con đường tu tập, nếu con người diệt được Tam độc, an phận với những gì mình có, tập được hạnh kiên trì, nhẫn nhục, sẽ giải thoát được phiền não, tìm thấy sự an lạc tâm hồn, đồng thời mở được trí huệ, tâm linh trở nên sáng suốt, chứng quả tại tiền như lời Đức Hiển Thế Đạo Nhơn:

*Tu nói dễ mà khó lắm thay,*

*Tham sân là mối tội hay gây.*

*Tham ăn, tham mặc, tham quyền quý,*

*Tham lợi, tham sanh, tham sắc tài.*

*Sân nói sân si khi trái ý,*

*Sân nghe sân thấy lúc bùi tai.*

*Tham sân nếu sớm đem đi nhốt,*

*Thành Phật Thánh Tiên chỉ một ngày.[[12]](#footnote-12)*

Ngược lại, trên đường tu, hành giả vẫn không diệt được tham sân si thì cho dù tu trọn kiếp, vô minh vẫn hoàn vô minh, uổng phí thời gian, vì vẫn đa mang nghiệp lực để mãi mãi quẩn quanh trong vòng tử sinh chuyển kiếp, như lời cảnh báo của Đức Từ Tôn:

*Hễ một niệm khơi màu trần tục,*

*Tham sân si giây phút dấy loàn,*

*Đậy che một ánh linh quang,*

*Che mờ chơn tánh lớp màn vô minh.*

*Con còn chẳng biết mình đâu đấy.*

*Thì làm sao con thấy tội tình,*

*Thế nên lịch kiếp tử sinh,*

*Đa mang nghiệp lực tiến trình khó khăn.[[13]](#footnote-13)*

***+ Phá chấp***: đoạn diệt Ngã chấp, tiêu trừ Ngã mạn,

Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

### *“Cái lỗi lầm to tát nhất của người tu hành Thiên ân hướng đạo là chấp trước, chấp hình, chấp danh, chấp kinh, chấp pháp, chấp nhơn, chấp ngã, nên gây nhiều trở ngại trên bước đường quay về bổn giác.”[[14]](#footnote-14)*

*Hễ còn chấp là còn gieo nhân. Hễ gieo nhân dục vọng ắt còn vướng trong bánh xe luân. Hễ chưa thoát ra khỏi bánh xe luân, ắt không siêu sinh liễu tử và lục đạo luân hồi.”[[15]](#footnote-15)*

• Chấp trước có nghĩa là tâm dính mắc vào một cái gì đó mà không tháo gỡ ra được. Thí dụ: Thích thú vì được khen và luôn nghĩ về lời khen đó. Hoặc luôn nghĩ về những gì sai trái mà người khác đem đến cho mình, cho nên tâm lúc nào cũng lo nghĩ, bất an. Thánh giáo dạy:

*“Người tu hành đừng nên chấp trước bởi chỗ vạn pháp do duyên khởi, nhưng suy kỹ lại thật vốn là không có gì cả, bởi các pháp đều hiện biến hữu ở không gian lẫn thời gian, duyên khởi tự thức giác mới lộ bày theo các pháp. Nếu đã đốn ngộ thượng thừa, tất nhiên phải quán định để tìm đến chỗ hư vô tịch diệt. Đó là Đạo, là chứng quả Như Lai, là kim thân Phật thể.”[[16]](#footnote-16)*

• Chấp ngã là bám chặt vào cái ta. Trong Tứ Diệu đế, Phật dạy rằng chấp ngã là nguyên nhân của khổ đau, là đầu mối của luân hồi sanh tử. Bởi lẽ, do chấp ngã mà dục vọng hay lòng ham muốn phát sinh, mà lòng ham muốn nếu không toại nguyện sẽ thất vọng buồn chán; và điều này nếu không giải quyết được trong kiếp nầy thì con người sẽ phải mang qua kiếp lai sinh. Cho nên, vòng luân hồi sanh tử cứ trói chặt con người, không sao đoạn dứt được. Vậy nên, con người muốn giải thoát khỏi luân hồi cần đoạn trừ chấp ngã.

Đức An Hòa Thánh Nữ phân tích:

*“Chính vì cái chấp ngã đã cầm chơn con người trong bước tiến, còn lẩn quẩn loanh quanh trong bánh xe luân hồi. Hễ còn chấp ngã ắt còn sự ham muốn. Ham muốn không được thì thất vọng. Thất vọng thì buồn đau thống khổ, thể xác tiều tụy hao mòn trong luật lão bịnh tử. Nhưng khi thác rồi đâu phải là dứt, vì cái sự buồn đau thống khổ chưa dứt khoát kia mà. Hễ chưa dứt khoát ắt còn trở lại để* *trang trải thanh toán. Hễ còn trở lại là còn vướng trong nghiệp luân hồi chuyển kiếp.*

*Vậy nói ngược trở lại: Muốn giải thoát khỏi cảnh luân hồi là phải đào sâu chặt đứt mọi rễ lớn rễ nhỏ của sự buồn đau thống khổ. Muốn không buồn đau thống khổ thì hãy tránh sự thất vọng. Muốn tránh sự thất vọng thì đừng dục vọng. Dục vọng là ham muốn. Muốn trừ khử sự ham muốn thì điều trước tiên là đừng chấp ngã.”[[17]](#footnote-17)*

Mặt khác, vì chấp ngã nên con người chủ quan luôn cho mình là đúng, dễ dẫn đến tư tưởng ngã mạn. Đây chính là rào cản ngăn sự học hỏi để có thể tiến hóa. Còn chấp ngã tức là còn tham sân si, còn buộc chặt nghiệp quả luân hồi.

Thánh giáo dạy*: “Tham si vì chấp ngã, bởi* ***chấp ngã*** *nên chủ quan. Tất cả mọi ý nghĩ, mọi suy tư gì của mình đều cho rằng đúng, rằng chân lý đạo đức; không phân biệt được những ý nghĩ suy tư đó xuất phát từ cái chơn ngã hay từ cái giả ngã, xuất phát từ khối tâm linh hay từ các thể phụ thuộc. Đó là điều quan hệ nhứt cho giới tu hành.”[[18]](#footnote-18)*

Trong lĩnh vực tôn giáo, người tín đồ thường có khuynh hướng cho rằng tôn giáo hoặc pháp môn của tôn giáo mình mới là chánh tín, là phương tiện hữu hiệu và rốt ráo nhất để giúp cho bản thân tu hành đắc quả, trở về nước trời hay cõi cực lạc niết bàn. Thậm chí, có người còn quan niệm rằng ngoài tôn giáo của mình ra, tất cả các tôn giáo khác đều là bàng môn tả đạo. Thật ra, tất cả các tôn giáo chánh tín hiện hữu trên thế gian đều là những phương tiện để đưa con người từ bến mê sang bờ giác. Sở dĩ có nhiều hình thức tôn giáo nơi thế gian cũng nhằm đáp ứng trình độ căn trí và nhân duyên khác nhau của con người mà thôi.

*Chấp không, chấp có thiên tà,*

*Lìa không, bỏ có cũng là bàng môn.[[19]](#footnote-19)*

Đức Đông Phương Lão Tổ nhắc nhở:

*“Pháp là chiếc bè, hành giả muốn sang bỉ ngạn phải nhờ bè. Bè là tên của một vật, có vật phải có người điều khiển. Hành giả là người nương bè chớ không là người điều khiển. Qua sông phải bỏ bè.”[[20]](#footnote-20)*

*“Người tu học Đại thừa phải hành Thiên đạo. Thiên đạo tức là đường lối giải thoát của người tu. Giải thoát mà Lão muốn nói đây là giải thoát mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp nhơn, chấp đạo, chấp pháp, tất cả đều ‘không’ mới là giải thoát.”[[21]](#footnote-21)*

Nếu đã vào đường Thiên Đạo Giải thoát, người tu không thực hiện được việc tu tâm luyện tánh để giải thoát từng phần, diệt tham sân si, phá bỏ hình danh sắc tướng, thì chắc chắn không thể giải thoát toàn phần, điều đó có nghĩa là lại tiếp tục lăn trôi vào vòng nghiệp quả, chuyển kiếp luân hồi.

**KẾT LUẬN**

Thế gian chỉ là quán trọ, mà con người là những lữ khách, chỉ dừng chân trong một kiếp người, rồi phải tiếp tục cuộc hành trình, về lại quê xưa hay lạc nẻo luân hồi, đều do chính con người định đoạt. Đời người nhiều lắm chỉ trăm năm, Đức Ngọc Lịch Nguyệtnhắn nhủ: *“Vương hầu khanh tướng, bậc cái thế anh hùng tài ba xuất chúng cũng không thoát vòng tứ khổ, thoát nẻo vô thường. Nếu kiếp con người chỉ có như vậy, hưởng thụ bao nhiêu mà phải bị khổ đau cho đến giờ phút cuối, thì câu ‘vi nhân nan đắc’ có ý nghĩa gì đâu!”[[22]](#footnote-22)*

Người môn đồ của Đức Cao Đài, đã may duyên hạnh ngộ đạo Thầy, đã được chạm ngưỡng Thiên đạo Đại thừa, nếu thực sự muốn giải thoát ngay trong kiếp này, hãy chiêm nghiệm lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn để tự mình nhìn lại chính mình hầu tìm thấy con đường phải đi với quyết tâm không lùi bước:

*“Người giải thoát là đại hùng chiến thắng ma nghiệp, can đảm hơn cả, mãnh lực vô cùng, thật thế, chỉ có hàng giải thoát mới không bị nô lệ cho ma danh, quỷ lợi ái ân yêu tà, người giải thoát không hẹp chật tình thương, không nhỏ nhen sự sống, không ích kỷ hạnh phúc riêng mình, mà đứng ngoài thế gian, lo cho thế gian những phần hy vọng, không con ràng chồng buộc, không lợi khiến danh sai, ở trần muôn kẻ mất tự do mà chỉ mình thong dong tiêu nhàn, không bị một vật gì ngăn trở thì người giải thoát không hơn sao được?”[[23]](#footnote-23)*

Con người đến thế gian này với con số không thì hãy trút bỏ hết những gì của cõi tạm để tìm lại cuộc sống tự tại thong dong của một chủ thể tự do như lời của Ni Sư Diệu Lộc:

***“Trước khi con người đến thế gian là con số không, đến ngày chung cuộc cũng huờn con số không****.* ***Cái khoảng thời gian từ khi đến cõi đời này và đến khi từ giã cõi đời này, đó là một khoảng thời gian tuy ngắn- năm bảy mươi năm- nhưng rất quý vô cùng. Biết sử dụng đúng mức khoảng thời gian đó để làm công quả, tạo điều kiện, sắm phương tiện để khi ra đi còn có được những gì cho phần tiến hóa ở tâm linh. Đó là cái có trong cái không. Nếu không hiểu và phân biệt rõ như vậy, mãi chấp ngã, cho rằng tất cả những sự vật như rờ được, thấy được, nói được, sử dụng được, như nhà cửa, đất đai, xe cộ do mình tạo ra mà cho nó là của mình rồi cố gắng bằng mọi cách để bảo thủ gìn giữ nó cho mình hoặc cho một danh nghĩa nào đó là rất sai lầm. Bởi vì đời là tạm, của là chung, lấy của tạm phục vụ cho khách tạm. Cái còn lại là công quả đạo đức, vốn liếng của tâm linh. Tất cả đều là giả hết, không có cái gì gọi là của mình. Nếu thật là của mình như thể xác chẳng hạn, sao không gìn giữ nó cho được trẻ trung tráng kiện trường sanh mãi mãi, lại để cho nó già, bịnh rồi chết, tan rã sau một thời gian hữu hạn****?”[[24]](#footnote-24)*

Nhưng muốn được giải thoát trọn vẹn để linh hồn được tự do thong dong tự tại sau khi rời bỏ nhục thể, không còn con đường nào hơn là phải cố gắng giải thoát ngay từng phần trong đời sống hiện tại. Giải thoát khỏi cái Ta tục tử tham sân si, ích kỷ, ngã mạn bằng khắc kỷ giới luật, thiền định công phu, lập công bồi đức như lời Thánh giáo nhắc nhở, dặn dò:

*“Bước vào chánh pháp Đại Thừa phải tự biết khắc kỷ giới luật, trui rèn tâm hạnh công đức, công phu, mới sáng suốt luyện tu ba báu, làm chủ ba chúa động ma vương, thì còn có chi ràng buộc vào lục đạo luân hồi mà không thoát khỏi.*”[[25]](#footnote-25)

*“Người tu đến bậc Đại Thừa đã thọ chơn truyền bí pháp rồi thì cần phải phân chia ngày giờ mà tu luyện cho cái tâm trở nên trong sạch, chẳng bợn hồng trần, phản hồng vi bạch mà yên tịnh lặng lẽ để đoạt cơ Tạo Hóa, vào bộ Tiên gia hầu thâu tiếp cái huyền khí của Trời đem hiệp với cái nguơn khí của người mà tạo thành Tiên đơn.”[[26]](#footnote-26)*

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-12 Quý Sửu (07-01-1974). [↑](#footnote-ref-1)
2. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-12 Bính Ngọ (11-01-1967). [↑](#footnote-ref-2)
3. Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Ất Tỵ (25-12-1965). [↑](#footnote-ref-3)
4. Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970). [↑](#footnote-ref-4)
5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-3 Tân Hợi (10-4-1971). [↑](#footnote-ref-5)
6. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-11 Đinh Tỵ (21-12-1977). [↑](#footnote-ref-6)
7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Nhâm Tý (02-02-1973). [↑](#footnote-ref-7)
8. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Minh Đức Tu Viện, 13-9 Tân Dậu (10-10-1981). [↑](#footnote-ref-8)
9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983). [↑](#footnote-ref-9)
10. Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976). [↑](#footnote-ref-10)
11. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 09-01 Đinh Mùi (17-02-1967). [↑](#footnote-ref-11)
12. Đức Hiển Thế Đạo Nhơn, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 22-5 Kỷ Dậu (06-7-1969). [↑](#footnote-ref-12)
13. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979). [↑](#footnote-ref-13)
14. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-12 Bính Thìn (19-01-1977). [↑](#footnote-ref-14)
15. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Bác Nhã Tịnh Đường, 27-02 Quý Sửu (31-3-1973). [↑](#footnote-ref-15)
16. Đức Bác Nhã Thiền Sư, Bác Nhã Tịnh Đường, 27-2 Quý Sửu (31-3-1973). [↑](#footnote-ref-16)
17. Đức An Hòa Thánh Nữ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 10-3 Kỷ Dậu (26-4-1969). [↑](#footnote-ref-17)
18. Đức Ni Sư Diệu Lộc, Vạn Quốc Tự, 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969). [↑](#footnote-ref-18)
19. Đức Bác Nhã Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, thánh giáo bài chữ Tâm. [↑](#footnote-ref-19)
20. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Bác Nhã Tịnh Đường, 03-3 Nhâm Tý (16-4-1972). [↑](#footnote-ref-20)
21. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976). [↑](#footnote-ref-21)
22. Vĩnh Nguyên Tự, 10-5 Đinh Tỵ (25-6-1977). [↑](#footnote-ref-22)
23. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 06-02-ĐĐ 34 Kỷ Hợi (14-3-1959). [↑](#footnote-ref-23)
24. Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969). [↑](#footnote-ref-24)
25. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 12-11 Tân Dậu (07-12-1981). [↑](#footnote-ref-25)
26. Đức Chí Tôn, *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 09-8 Bính Tý (1936), bài “Khởi Trung Tâm Đạo”. [↑](#footnote-ref-26)